



DANH MỤC PHÉP HIỆU CHUẨN ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED CALIBRATION

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng 05 năm 2025 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia/
of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: **Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Bình Thuận**
Laboratory: **Technical Center for Standards Metrology and Quality of Binh Thuan province**

Tổ chức/Cơ quan chủ quản: **Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bình Thuận**
Organization: **Department of Science and Technology of Binh Thuan province**

Số hiệu/ Code: **VILAS 266**

Chuẩn mực công nhận
Accreditation criteria **ISO/IEC 17025:2017**

Lĩnh vực:
Field: **Đo lường – Hiệu chuẩn**
Measurement – Calibration

Người quản lý:
Laboratory manager: **Lương Đình Quát**

Hiệu lực công nhận
Period of Validation: **Kể từ ngày /05/2025 đến ngày 17/02/2026**

Địa chỉ:
Address: **Khu dân cư Bắc Xuân An, Phường Xuân An, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận**

Địa điểm:
Location: **Khu dân cư Bắc Xuân An, Phường Xuân An, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận**

Điện thoại/ Tel: **0252 3822390**

Email: **quatld@gmail.com**

Website: **tdcbinhthuan.vn**

DANH MỤC PHÉP HIỆU CHUẨN ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED CALIBRATION

VILAS 266

Lĩnh vực hiệu chuẩn: Khối lượng

Field of calibration: Mass

TT	Tên đại lượng đo hoặc phương tiện đo được hiệu chuẩn <i>Measurand quantities/ calibrated equipment</i>	Phạm vi đo <i>Range of measurement</i>	Quy trình hiệu chuẩn <i>Calibration Procedure</i>	Khả năng đo và hiệu chuẩn (CMC) ^{1/} <i>Calibration and Measurement Capability (CMC)¹</i>
01	Quả cân <i>Weights</i>	10 kg	ĐLVN 99:2002	0,15 g
		20 kg		0,3 g
02	Cân cấp chính xác I^x <i>Balance class I</i>	Đến/ to 50 g	QTHC.01:2019	0,3 mg
		50 g đến/ to 200 g		0,6 mg
03	Cân cấp chính xác II^x <i>Balance class II</i>	Đến/ to 200 g		13 mg
		200 g đến/ to 400 g		14 mg
		400 g đến/ to 1000 g		18 mg
		1000 g đến/ to 3000 g		40 mg
		3000 g đến/ to 4000 g		60 mg
04	Cân cấp chính xác III^x <i>Balance class III</i>	Đến/ to 6 kg	QTHC.04:2019	1,7 g
		6 kg đến/ to 15 kg		4,1 g
		15 kg đến/ to 60 kg		6,1 g
		60 kg đến/ to 150 kg		25 g
		150 kg đến/ to 400 kg		0,9 kg
		400 kg đến/ to 1000 kg		1,2 kg
		1000 kg đến/ to 2000 kg		1,8 kg
		2000 kg đến/ to 3000 kg		2,5 kg
		3000 kg đến/ to 5000 kg		4 kg

DANH MỤC PHÉP HIỆU CHUẨN ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED CALIBRATION***VILAS 266****Lĩnh vực hiệu chuẩn: Nhiệt****Field of calibration: Temperature**

TT	Tên đại lượng đo hoặc phương tiện đo được hiệu chuẩn <i>Measurand quantities/ calibrated equipment</i>	Phạm vi đo <i>Range of measurement</i>	Quy trình hiệu chuẩn <i>Calibration Procedure</i>	Khả năng đo và hiệu chuẩn (CMC) ^{1/} <i>Calibration and Measurement Capability (CMC)¹</i>
01	Tủ nhiệt ^x <i>Thermal Chamber</i>	(-30 ~ 100) °C	QTHC.02:2019	0,8 °C
		(100 ~ 300) °C		1,8 °C
02	Lò nung ^x <i>Furnace</i>	(300 ~ 1000) °C	QTHC.03:2019	4,5 °C

Ghi chú/ Note:

- QTHC: Quy trình hiệu chuẩn do PTN xây dựng/ *Laboratory-developed calibrations*

- (x): Có thực hiện hiệu chuẩn tại hiện trường/ *onsite calibration*.

- (1) khả năng đo và hiệu chuẩn (CMC) được thể hiện bởi độ không đảm bảo đo mở rộng, diễn đạt ở mức tin cậy 95% thường dùng hệ số phủ $k=2$ và công bố tối đa tới 2 chữ số có nghĩa. *Calibration and Measurement Capability (CMC) expressed as an expanded uncertainty, expressed at approximately 95% level of confidence, usually using a coverage factor $k=2$ and expressed with maximum 2 significance digits.*

- Trường hợp Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Bình Thuận cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này./ *It is mandatory for the Technical Center for Standards Metrology and Quality of Binh Thuan province that provides the calibration services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service./*